

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHỨNG CỨ TỪ NGUỒN DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

HỒ THỊ PHƯƠNG

Khoa Lý luận chính trị và pháp luật,  
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Nhận bài ngày 15/01/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

## Abstract

In the context of digital transformation and rapid advances in information technology, electronic data increasingly play an important role in detecting, investigating, and resolving criminal cases. The 2015 Criminal Procedure Code, which for the first time recognizes electronic data as an independent source of evidence, has established an important legal basis for criminal proceedings. However, due to characteristics that differ from traditional evidentiary sources, evidence derived from electronic data raises theoretical issues that require further clarification, particularly regarding its concept, legal nature, conditions for admissibility, and probative value. This article analyzes the theoretical foundations of evidence derived from electronic data sources in criminal procedure, thereby contributing to improved legal understanding and supporting research, teaching, and legal education and training in the current context.

**Keywords:** Criminal procedure, digital transformation, electronic data, electronic evidence, evidence, legal education, probative value.

## 1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, Internet và các nền tảng số đã làm thay đổi căn bản cách thức con người tạo lập, lưu giữ và trao đổi thông tin trong đời sống xã hội. Dữ liệu điện tử (DLĐT) ngày càng trở thành dạng thức thông tin phổ biến, tồn tại dưới nhiều hình thức như thư điện tử, tin nhắn điện thoại, dữ liệu giao dịch điện tử, dữ liệu định vị, hình ảnh, âm thanh và thông tin trên các nền tảng mạng xã hội. Sự chuyển biến này không chỉ tác động sâu rộng đến các quan hệ xã hội mà còn đặt ra những yêu cầu mới đối với khoa học pháp lý, đặc biệt là trong lĩnh vực tố tụng hình sự (TTHS) [2, tr. 1-10]. Trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay, ngày càng nhiều hành vi phạm tội được thực hiện thông qua không gian mạng hoặc để lại dấu vết dưới dạng DLĐT. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, chứng cứ điện tử đã trở thành một trong những nguồn chứng cứ quan trọng nhất trong điều tra và xét xử các vụ án hình sự hiện đại, đặc biệt đối với tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia và tội phạm có tổ chức [9, tr. 5-12]. Việc không nhận diện đúng bản chất, không thu thập và đánh giá đầy đủ giá trị chứng minh của DLĐT có thể làm suy giảm hiệu quả của hoạt động chứng minh, ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án [1, tr. 279 - 285].

Ở Việt Nam, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã chính thức ghi nhận DLĐT là một trong các nguồn chứng cứ, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong tư duy lập pháp nhằm thích ứng với yêu cầu của thực tiễn và xu hướng pháp luật quốc tế [6, tr. 88]. Tuy nhiên, việc ghi nhận này mới dừng lại ở mức độ khung, trong khi nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn vẫn còn đặt ra, như: khái niệm và đặc điểm pháp lý của chứng cứ từ nguồn DLĐT; điều kiện bảo đảm tính hợp pháp, tính xác thực và giá trị chứng minh của loại chứng cứ này cũng như mối quan hệ giữa chứng cứ điện tử với các nguồn chứng cứ truyền

Email: [phuonght@uneti.edu.vn](mailto:phuonght@uneti.edu.vn)

DOI: 10.64410/GVHS7700

thống trong quá trình chứng minh tội phạm [3, tr. 90-92], [7, tr. 45-62]. Bên cạnh đó, việc sử dụng DLĐT trong TTHS còn gắn chặt với yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Hiến pháp năm 2013 khẳng định nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật thư tín. Các quyền này cũng được ghi nhận trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt tại Điều 17 về bảo vệ đời sống riêng tư [8, tr. 171-173]. Do đó, việc nghiên cứu cơ sở lý luận về chứng cứ từ nguồn DLĐT không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật pháp lý mà còn có giá trị bảo đảm cân bằng giữa hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền con người trong TTHS [5, tr. 171-173]. Từ những phân tích trên có thể thấy, việc nghiên cứu một cách có hệ thống cơ sở lý luận về chứng cứ từ nguồn DLĐT trong TTHS Việt Nam là yêu cầu mang tính cấp thiết. Nghiên cứu này không chỉ góp phần hoàn thiện nền tảng lý luận cho hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với công tác đào tạo, giáo dục pháp luật cho sinh viên, học viên và đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

## **2. Một số khái niệm cơ bản**

### **2.1. Khái niệm chứng cứ trong tố tụng hình sự**

Trong khoa học TTHS, chứng cứ được xem là cơ sở để các cơ quan tiến hành tố tụng xác định sự thật khách quan của vụ án. Theo quan điểm truyền thống, chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định và được sử dụng làm căn cứ để xác định có hay không hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án hình sự [3, tr. 90-92; 7, tr. 45-62].

Pháp luật TTHS Việt Nam tiếp cận khái niệm chứng cứ theo hướng kết hợp giữa yếu tố nội dung và yếu tố hình thức. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xác định chứng cứ là “Những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định sự thật của vụ án” [6, tr. 87]. Cách tiếp cận này thể hiện rõ yêu cầu về tính khách quan, tính hợp pháp và giá trị chứng minh của chứng cứ trong TTHS [6, tr. 87].

### **2.2. Khái niệm dữ liệu điện tử**

Dữ liệu điện tử là khái niệm được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, thương mại điện tử và pháp luật hiện đại. Theo cách hiểu chung, DLĐT là thông tin được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc xử lý bằng phương tiện điện tử, kỹ thuật số hoặc công nghệ tương tự [2, tr. 1-10].

Trong pháp luật Việt Nam, DLĐT được ghi nhận trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật với phạm vi và mục đích điều chỉnh khác nhau. Luật Giao dịch điện tử năm 2005 tiếp cận DLĐT như một dạng thông tin có thể thay thế cho văn bản giấy trong các giao dịch pháp lý, nếu đáp ứng các điều kiện về tính toàn vẹn và khả năng truy cập [4, tr. 12-16]. Cách tiếp cận này tạo tiền đề quan trọng cho việc thừa nhận DLĐT trong hoạt động tố tụng nói chung và TTHS nói riêng [4, tr. 12-16].

### **2.3. Khái niệm chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử**

Từ góc độ khoa học pháp lý, chứng cứ từ nguồn DLĐT có thể được hiểu là những thông tin có giá trị chứng minh được trích xuất, thu thập từ DLĐT, phản ánh các tình tiết liên quan đến vụ án hình sự và được sử dụng trong quá trình chứng minh theo quy định của pháp luật TTHS [1, tr. 279-285], [2, tr. 67-75], [9, tr. 5-12].

Khác với các nguồn chứng cứ truyền thống, chứng cứ từ nguồn DLĐT mang những đặc điểm riêng như: tính phi vật chất, khả năng sao chép dễ dàng, sự phụ thuộc lớn vào phương tiện kỹ thuật và nguy cơ bị thay đổi, xóa bỏ hoặc can thiệp trong quá trình thu thập và bảo quản. Chính những đặc điểm này đòi hỏi việc tiếp cận và sử dụng chứng cứ từ nguồn DLĐT phải dựa trên cơ sở lý luận vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu pháp lý và yêu cầu kỹ thuật [2, tr. 67-89], [9, tr. 29-35].

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã chính thức ghi nhận DLĐT là một trong các nguồn chứng cứ, qua đó khẳng định giá trị pháp lý của loại chứng cứ này trong quá trình giải quyết vụ án hình sự [6, tr. 88]. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa đưa ra một định nghĩa cụ thể về “chứng cứ từ nguồn DLĐT”, dẫn đến

sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ khái niệm này cả về phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng [7, tr. 90-103].

### **3. Cơ sở lý luận về chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử**

#### **3.1. Cơ sở lý luận từ học thuyết chứng minh trong tố tụng hình sự**

Trong khoa học TTHS, chứng minh được hiểu là quá trình nhận thức có mục đích của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án trên cơ sở thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ theo quy định của pháp luật [3, tr. 156-165], [7, tr. 45-62]. Theo học thuyết chứng minh hiện đại, bản chất của chứng cứ không phụ thuộc vào hình thức tồn tại vật chất hay phi vật chất mà phụ thuộc vào giá trị thông tin phản ánh sự kiện, hành vi có ý nghĩa pháp lý đối với vụ án [3, tr. 90-92], [7, tr. 90-103]. Từ góc độ này cho thấy, DLĐT dù không tồn tại dưới dạng vật chất hữu hình vẫn có thể trở thành chứng cứ nếu chứa đựng thông tin xác thực về các tình tiết của vụ án và được thu thập, sử dụng hợp pháp. Cách tiếp cận này tạo nền tảng lý luận cho việc thừa nhận chứng cứ từ nguồn DLĐT như một bộ phận cấu thành của hệ thống chứng cứ trong TTHS hiện đại [1, tr. 312-320], [2, tr. 67-89].

#### **3.2. Cơ sở lý luận từ đặc điểm của dữ liệu điện tử**

Dữ liệu điện tử mang những đặc điểm khác biệt so với các dạng thông tin truyền thống như tính phi vật chất, khả năng sao chép không giới hạn, sự phụ thuộc vào phương tiện kỹ thuật và nguy cơ bị thay đổi, xóa bỏ hoặc can thiệp trong quá trình lưu trữ, truyền đưa. Chính các đặc điểm này khiến cho giá trị chứng minh của DLĐT không thể được đánh giá thuần túy dựa trên cảm quan hay hình thức bên ngoài mà phải thông qua các tiêu chí về tính toàn vẹn, tính xác thực và khả năng truy nguyên nguồn gốc thông tin [2, tr. 67-89], [9, tr. 29-35].

Về phương diện lý luận, điều này dẫn đến yêu cầu phải xây dựng các nguyên tắc riêng trong việc thu thập, bảo quản và đánh giá chứng cứ từ nguồn DLĐT, bảo đảm rằng thông tin điện tử được sử dụng trong tố tụng phản ánh đúng thực tế khách quan và không bị làm sai lệch trong quá trình xử lý [1, tr. 312-320], [9, tr. 5-12].

#### **3.3. Cơ sở lý luận từ pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam**

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 của Việt Nam đã chính thức ghi nhận DLĐT là một trong các nguồn chứng cứ, qua đó khẳng định sự phù hợp của pháp luật quốc gia với xu hướng phát triển chung của pháp luật TTHS trên thế giới. Việc ghi nhận này phản ánh sự chuyển biến trong tư duy lập pháp, từ chỗ coi trọng hình thức vật chất của chứng cứ sang coi trọng nội dung thông tin và giá trị chứng minh của chứng cứ [3, tr. 156-165], [7, tr. 90-103]. Tuy nhiên, từ góc độ lý luận, việc thừa nhận DLĐT là nguồn chứng cứ mới chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ để bảo đảm giá trị chứng minh của loại chứng cứ này là phải làm rõ các tiêu chí pháp lý xác định tính hợp pháp, tính liên quan và tính xác thực của thông tin điện tử trong từng giai đoạn của quá trình tố tụng. Đây là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện hệ thống lý luận về chứng cứ từ nguồn DLĐT trong bối cảnh pháp luật Việt Nam đang từng bước thích ứng với chuyển đổi số [1, tr. 279-285; 2, tr. 67-75].

#### **3.4. Chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử trong mối quan hệ với các nguồn chứng cứ truyền thống**

Trong hệ thống chứng cứ của TTHS, các nguồn chứng cứ truyền thống như vật chứng, lời khai, kết luận giám định và tài liệu, đồ vật vẫn giữ vai trò quan trọng. Tuy nhiên, sự xuất hiện của chứng cứ từ nguồn DLĐT đã làm thay đổi cách thức tiếp cận và đánh giá chứng cứ trong hoạt động chứng minh. Về mặt lý luận, chứng cứ từ nguồn DLĐT không tồn tại độc lập, tách rời mà thường có mối quan hệ hỗ trợ, kiểm chứng lẫn nhau với các nguồn chứng cứ truyền thống [3, tr. 156-165], [7, tr. 45-62].

Dữ liệu điện tử có thể đóng vai trò xác nhận tính xác thực của lời khai, làm rõ diễn biến của hành vi phạm tội hoặc bổ sung các tình tiết mà các nguồn chứng cứ khác không phản ánh đầy đủ. Ngược lại, việc đánh giá giá trị chứng minh của DLĐT cũng cần được đặt trong mối liên hệ với các nguồn chứng cứ khác nhằm bảo đảm tính khách quan, toàn diện của hoạt động chứng minh. Cách tiếp cận này phù hợp với nguyên tắc đánh giá chứng cứ toàn diện, không tách rời từng chứng cứ riêng lẻ trong TTHS [6, tr. 89]. Từ góc độ giáo dục pháp luật, việc làm rõ mối quan hệ giữa chứng cứ từ nguồn DLĐT và các nguồn chứng

cứ truyền thống giúp người học tránh tư duy tuyệt đối hóa vai trò của công nghệ, đồng thời hình thành nhận thức đúng đắn về bản chất pháp lý của hoạt động chứng minh trong TTHS hiện đại [3, tr. 156-165].

### **3.5. Xu hướng quốc tế trong tiếp cận chứng cứ điện tử**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, nhiều quốc gia đã xây dựng khung pháp lý và hướng dẫn chuyên sâu về thu thập, bảo quản và đánh giá chứng cứ điện tử. Các tài liệu hướng dẫn của Liên Hợp Quốc và Hội đồng châu Âu đều nhấn mạnh nguyên tắc bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, chuỗi bảo quản chứng cứ và trách nhiệm giải trình của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc sử dụng thông tin điện tử [9, tr. 5-12]. Bên cạnh đó, pháp luật một số nước theo hệ thống common law còn phát triển các tiêu chí đánh giá độ tin cậy của chứng cứ điện tử dựa trên nguồn gốc dữ liệu, phương thức thu thập và mức độ can thiệp của con người trong quá trình xử lý thông tin [1, tr. 312-320].

Việc tham khảo các chuẩn mực quốc tế không chỉ giúp hoàn thiện cơ sở lý luận về chứng cứ từ nguồn DLĐT mà còn tạo điều kiện để pháp luật TTHS Việt Nam từng bước tiệm cận với các chuẩn mực toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm mạng và tội phạm xuyên quốc gia ngày càng gia tăng.

## **4. Những yêu cầu pháp lý đối với việc thu thập và đánh giá chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử**

### **4.1. Yêu cầu về tính hợp pháp trong thu thập chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử**

Tính hợp pháp là yêu cầu tiên quyết đối với mọi loại chứng cứ trong TTHS, trong đó có chứng cứ từ nguồn DLĐT. Theo quy định của pháp luật TTHS Việt Nam, DLĐT chỉ có thể được sử dụng làm chứng cứ nếu được thu thập theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định [6, tr. 87-88]. Việc thu thập DLĐT trái pháp luật không chỉ làm mất giá trị chứng minh của chứng cứ mà còn có thể xâm phạm nghiêm trọng đến quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 [5, tr. 171-173].

Từ góc độ giáo dục pháp luật, yêu cầu này góp phần hình thành cho người học nhận thức đúng đắn về ranh giới pháp lý trong việc tiếp cận, khai thác và sử dụng thông tin số, qua đó nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật trong môi trường công nghệ số hiện nay [3, tr. 156-165].

### **4.2. Yêu cầu bảo đảm tính toàn vẹn và tính xác thực của dữ liệu điện tử**

Do đặc điểm phi vật chất và khả năng bị thay đổi dễ dàng, DLĐT chỉ có giá trị chứng minh khi bảo đảm được tính toàn vẹn và tính xác thực trong suốt quá trình thu thập, bảo quản và sử dụng. Tính toàn vẹn thể hiện ở việc dữ liệu không bị sửa đổi, xóa bỏ hoặc bổ sung trái phép; trong khi đó, tính xác thực phản ánh mối liên hệ giữa DLĐT với nguồn gốc hình thành và các tình tiết của vụ án [2, tr. 67-89], [9, tr. 29-35].

Về phương diện lý luận và giáo dục pháp luật, yêu cầu này giúp người học nhận thức rõ vai trò của các biện pháp kỹ thuật và quy trình pháp lý trong việc bảo đảm giá trị chứng minh của chứng cứ điện tử, đồng thời tránh cách hiểu giản đơn coi mọi dữ liệu số đều đương nhiên có giá trị pháp lý [1, tr. 279-285].

### **4.3. Yêu cầu về tính liên quan và giá trị chứng minh của chứng cứ**

Không phải mọi DLĐT thu thập được đều có thể sử dụng làm chứng cứ trong TTHS. DLĐT chỉ có giá trị chứng minh khi phản ánh trực tiếp hoặc gián tiếp các tình tiết có ý nghĩa đối với việc xác định tội phạm, người phạm tội và các tình tiết khác của vụ án. Việc đánh giá tính liên quan và giá trị chứng minh của chứng cứ điện tử phải được thực hiện một cách khách quan, toàn diện và đặt trong mối liên hệ với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án [6, tr. 89].

Từ góc độ giáo dục pháp luật, yêu cầu này góp phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy pháp lý, tránh việc đánh giá chứng cứ dựa trên cảm tính hoặc sự phụ thuộc quá mức vào yếu tố công nghệ mà bỏ qua bản chất pháp lý của hoạt động chứng minh [3, tr. 156-165].

### **4.4. Yêu cầu về năng lực chủ thể tiến hành thu thập và đánh giá chứng cứ điện tử**

Bên cạnh các yêu cầu mang tính pháp lý - kỹ thuật, năng lực của chủ thể tiến hành thu thập và đánh giá chứng cứ từ nguồn DLĐT là yếu tố có ý nghĩa quyết định đến giá trị chứng minh của loại chứng cứ này. Trong thực tiễn TTHS, việc thu thập và xử lý DLĐT đòi hỏi người tiến hành tố tụng không chỉ nắm vững quy định pháp luật mà còn phải có hiểu biết nhất định về công nghệ thông tin và phương pháp

xử lý dữ liệu số [9, tr. 5-12].

Về phương diện lý luận, năng lực của chủ thể tiến hành tố tụng là một trong những điều kiện bảo đảm tính hợp pháp và độ tin cậy của chứng cứ. Việc thiếu hiểu biết về đặc điểm kỹ thuật của DLĐT có thể dẫn đến sai sót trong quá trình thu thập, bảo quản hoặc đánh giá chứng cứ, từ đó ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án [1, tr. 312-320].

Yêu cầu này đặt ra nhiệm vụ quan trọng đối với công tác giáo dục pháp luật, đó là phải chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức liên ngành giữa pháp luật và công nghệ cho sinh viên luật, học viên tư pháp và đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn TTHS trong môi trường số [3, tr. 156-165].

## **5. Một số kiến nghị hoàn thiện**

### **5.1. Hoàn thiện nội dung giáo dục pháp luật về chứng cứ điện tử trong chương trình đào tạo**

Một trong những yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật về chứng cứ điện tử là cần từng bước hoàn thiện nội dung giảng dạy trong các chương trình đào tạo ngành Luật và các ngành đào tạo có liên quan. Nội dung giáo dục không nên dừng lại ở việc giới thiệu các quy định pháp luật hiện hành mà cần chú trọng làm rõ cơ sở lý luận, đặc điểm pháp lý và những vấn đề thực tiễn đặt ra trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ từ nguồn DLĐT [3, tr. 90-92], [7, tr. 45-62], [2, tr. 67-75].

Việc lồng ghép kiến thức về chứng cứ điện tử vào các học phần như Luật Tố tụng hình sự, Quyền con người, Pháp luật về công nghệ thông tin sẽ giúp người học hình thành tư duy pháp lý toàn diện, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp [3, tr. 156-165].

### **5.2. Đổi mới phương pháp giáo dục pháp luật theo hướng gắn lý luận với thực tiễn**

Bên cạnh việc hoàn thiện nội dung, đổi mới phương pháp giáo dục pháp luật là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức về chứng cứ điện tử. Các phương pháp giảng dạy tích cực như phân tích tình huống, nghiên cứu vụ việc điển hình, mô phỏng hoạt động tố tụng có sử dụng chứng cứ điện tử cần được áp dụng rộng rãi trong đào tạo [2, tr. 1-10].

Từ góc độ lý luận giáo dục pháp luật, việc gắn kiến thức pháp lý với các tình huống thực tiễn giúp người học không chỉ nắm vững quy định pháp luật mà còn hiểu được cách thức vận dụng pháp luật trong giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn TTHS hiện đại [3, tr. 156-165].

### **5.3. Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và tăng cường nguồn học liệu phục vụ giáo dục pháp luật**

Hiệu quả giáo dục pháp luật về chứng cứ điện tử phụ thuộc lớn vào chất lượng đội ngũ giảng viên và hệ thống học liệu. Do đó, cần tăng cường hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật kiến thức mới về pháp luật và công nghệ thông tin cho đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn học có liên quan [1, tr. 312-320]. Bên cạnh đó, việc xây dựng và khai thác hiệu quả các nguồn học liệu chuyên sâu, bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo, hướng dẫn của các tổ chức quốc tế về chứng cứ điện tử sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực này [9, tr. 5-12].

### **5.4. Tăng cường giáo dục pháp luật thông qua hợp tác quốc tế và tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc giáo dục pháp luật về chứng cứ từ nguồn DLĐT không thể tách rời việc tham khảo và tiếp thu kinh nghiệm của các quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển. Các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc và Hội đồng châu Âu đã ban hành nhiều tài liệu hướng dẫn về quản lý và sử dụng chứng cứ điện tử, có giá trị tham khảo quan trọng đối với hoạt động đào tạo pháp lý ở các quốc gia đang phát triển [8, tr. 171-173], [9, tr. 5-12].

Việc đưa các chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế vào nội dung giáo dục pháp luật giúp người học có cái nhìn so sánh, từ đó nâng cao khả năng tiếp cận và vận dụng pháp luật trong bối cảnh tội phạm ngày càng mang tính xuyên quốc gia. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo pháp luật ở Việt Nam theo hướng tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế nhưng vẫn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và hệ thống pháp luật quốc gia [1, tr. 279-285].



## 6. Kết luận

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và quá trình chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức thực hiện hành vi phạm tội cũng như hoạt động chứng minh trong TTHS. Trong bối cảnh đó, chứng cứ từ nguồn DLĐT ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, đồng thời đặt ra nhiều yêu cầu mới cả về phương diện lý luận, pháp luật và giáo dục pháp luật. Thông qua việc phân tích cơ sở lý luận, các đặc điểm pháp lý cũng như những yêu cầu đặt ra đối với việc thu thập và đánh giá chứng cứ từ nguồn DLĐT, bài viết cho thấy việc thừa nhận và sử dụng loại chứng cứ này không chỉ là vấn đề kỹ thuật tố tụng mà còn gắn chặt với yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong TTHS. Pháp luật TTHS Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng khi chính thức ghi nhận DLĐT là nguồn chứng cứ, tuy nhiên việc vận dụng hiệu quả các quy định này trong thực tiễn vẫn phụ thuộc nhiều vào nhận thức pháp lý và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ tư pháp.

Từ góc độ giáo dục pháp luật, nghiên cứu chứng cứ từ nguồn DLĐT có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành tư duy pháp lý hiện đại cho người học, giúp họ hiểu rõ mối quan hệ giữa pháp luật và công nghệ, giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền con người trong môi trường số. Việc nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật về chứng cứ điện tử không chỉ góp phần cải thiện chất lượng đào tạo pháp lý ở các cơ sở giáo dục đại học mà còn tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ pháp luật có năng lực thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thực tiễn xã hội.

Trong thời gian tới, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật TTHS cần đặc biệt chú trọng đến việc đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục pháp luật về chứng cứ từ nguồn DLĐT theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, gắn đào tạo với yêu cầu bảo vệ quyền con người. Đây chính là giải pháp mang tính lâu dài nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật và góp phần xây dựng nền tư pháp hình sự hiện đại, nhân văn và phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội Việt Nam trong kỷ nguyên số.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Kerr, O. S. (2018). *Digital Evidence and the New Criminal Procedure*. Harvard Law Review, Vol. 131.
- [2] Mason, S. (2017). *Electronic Evidence*. Institute of Advanced Legal Studies, London.
- [3] Nguyễn Ngọc Chí (2018). *Chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] Quốc hội (2005). *Luật Giao dịch điện tử*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6] Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng hình sự*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [7] Trần Văn Độ (2017). *Một số vấn đề lý luận về chứng cứ trong tố tụng hình sự*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [8] United Nations (1966). *International Covenant on Civil and Political Rights*. Adopted by the United Nations General Assembly on 16 December 1966 and entered into force on 23 March 1976. United Nations Treaty Series, Vol. 999. Available at: <https://www.refworld.org/legal/agreements/unga/1966/en/>.
- [9] United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC) (2019). *Guidance on the Management of Digital Evidence*. United Nations, Vienna.